

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992	4,50	,00	1,40	KHON
2	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	1,50	,00	,50	
3	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994	6,50	2,00	3,40	
4	Văn Công Tuấn	Anh	3671030072	07/05/1993	5,00	,00	1,50	
5	Đỗ Nhựt	Minh	3671030096	14/09/1994	5,50	5,00	5,20	
6	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	4,50	4,00	4,20	
7	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994	5,50	4,30	4,70	
8	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	3,00	3,50	3,40	
9	Lê Hạnh	Toàn	3671030114	06/08/1994	3,50	,00	1,10	
10	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	3,00	,00	,90	
11	Nguyễn Nhật	Nam	3671030154	20/11/1994	5,50	,00	1,70	
12	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	4,50	4,00	4,20	
13	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	7,50	2,50	4,00	
14	Ngô Đình	Hưng	3671030175	02/01/1992	5,50	1,30	2,60	
15	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994	5,50	,00	1,70	
16	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	5,00	4,80	4,90	
17	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	4,50	5,00	4,90	
18	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994	3,50	,00	1,10	
19	Bùi Phan Tín	Đông	3671030227	24/08/1994	6,00	4,80	5,20	
20	Phạm Chí	Hướng	3671030229	10/12/1994	6,50	5,00	5,50	
21	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992	4,50	,00	1,40	
22	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	4,50	6,00	5,60	
23	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	4,50	3,80	4,00	
24	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	2,50	,00	,80	
25	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	3,00	5,50	4,80	
26	Nguyễn Quốc	Trung	3671030303	27/09/1994	5,00	,00	1,50	
27	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	6,00	2,50	3,60	
28	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	5,00	4,30	4,50	
29	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	7,00	5,80	6,20	
30	Phan Minh	Thơ	3671030315	01/03/1994	6,00	5,00	5,30	
31	Lê Hoàng	Sa	3671030319	22/04/1994	6,00	6,30	6,20	
32	Dương Thế	Huỳnh	3671030324	08/12/1994	3,50	2,80	3,00	
33	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994	7,00	5,50	6,00	
34	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994	2,50	,00	,80	
35	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994	5,00	3,80	4,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Thái Anh	Tuấn	3671030349	02/04/1993	5,50	,00	1,70	
37	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993	6,00	4,30	4,80	
38	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	3,50	,00	1,10	
39	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	5,50	,00	1,70	
40	Huỳnh Trí	Tài	3671030361	22/03/1994	4,50	,00	1,40	
41	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994	6,00	4,80	5,20	
42	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	4,50	,00	1,40	
43	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	8,00	3,00	4,50	
44	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	6,00	3,50	4,30	
45	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993	,00	,00	,00	CT
46	Lưu Thanh	Tài	3671030399	07/03/1994	5,00	,00	1,50	
47	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993	6,50	,00	2,00	
48	Nguyễn Phúc	Hậu	3671030409	14/10/1994	7,50	5,80	6,30	
49	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	5,00	,00	1,50	
50	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	7,00	5,00	5,60	
51	Lâm Minh	Đương	3671030446	18/06/1994	5,50	7,80	7,10	
52	Trần Ngọc	Đại	3671030447	17/07/1994	6,50	8,30	7,80	
53	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994	6,00	2,30	3,40	
54	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	6,00	,00	1,80	
55	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	6,50	,00	2,00	
56	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	5,50	3,00	3,80	
57	Nguyễn Hoài	Sơn	3671030485	18/01/1994	5,50	3,30	4,00	
58	Trần Minh	Bảo	3671030488	03/10/1994	3,50	,00	1,10	
59	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	6,00	2,80	3,80	
60	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	6,00	5,30	5,50	
61	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994	4,00	4,50	4,40	
62	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994	,00	,00	,00	
63	Nguyễn Văn	Tĩnh	3671030518	04/06/1994	6,50	6,00	6,20	
64	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	4,50	2,30	3,00	
65	Ngô Viết	Lâm	3671031630	15/02/1990	1,50	,00	,50	
66	Châu Quang	Đại	3671031851	15/03/1994	5,50	,00	1,70	
67	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994	4,50	,00	1,40	
68	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	
69	Huỳnh Quốc	Đạt	3671032025	21/11/1994	5,50	6,50	6,20	
70	Nguyễn Thành	Dôn	3671032034	20/05/1994	,00	,00	,00	CT
71	Nguyễn Hồ Vũ	Cường	3671050415	05/12/1993	,50	,00	,20	

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)